TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2024
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nữ.

2. Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số X, đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 66, khu phố 7, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.có mặt

2. *Bị đơn*: Ông Lê Đình L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số X, đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 66, khu phố 7, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số x Lô 1 đường N12, khu tái định cư Hòa Lợi, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà Lê Thị L và ông Lê Đình L1 tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/8/2002. Trong quá trình sống chung thì khi con chung là cháu Lê Thị Hương L2 được 6 tuổi thì vợ chồng đã từng mâu thuẫn do ông L1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài. Sau đó, thì vì con cái bà L đã tha thứ để vợ chồng quay về sống chung cùng nuôi dạy con cái. Đến khoảng 2 năm trở lại đây thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân từ vấn đề kinh tế, nợ nần tiền bạc. Nói chung, do kinh tế gia đình xảy ra nhiều mối nợ nên tình cảm gia đình thường

xuyên mâu thuẫn. Từ nợ riêng của cá nhân bà L cho đến nợ chung của gia đình. Mặc dù bà L và ông L1 đã cùng tìm cách tháo gỡ nhưng không đủ khả năng để thanh toán nợ. Từ đó, tình cảm vợ chồng vì nợ nần mà hay cãi nhau, mâu thuẫn, mặc dù vợ chồng sống chung nhà, ăn cơm chung nhưng đã không còn ngủ chung, quan hệ vợ chồng, không còn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà L đã từng nộp đơn ly hôn với ông L1 nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện nay đã không còn và mục đích hôn nhân nhằm gây dựng gia đình hạnh phúc đã không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với ông Lê Đình L1.

- Về con chung: Có con chung là Lê Đình L3, sinh ngày 08/7/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Lê Thị Hương L2, sinh ngày 29/3/2009. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Hương L2. Về cấp dưỡng bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Lê Đình L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà L tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Lê Đình L1 trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Đình L1 thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, như bà L trình bày thì thời gian cháu L2 còn nhỏ thì bà L có cho rằng ông L1 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là có. Vì bà L trong thời gian sống chung cũng có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung trong gia đình. Gia đình hiện giờ có nhiều khoản nợ do nhiều nguyên nhân trong đó có cả khoản nợ riêng của cá nhân bà L, dẫn đến kinh tế gia đình khủng hoảng dẫn đến gia đình mâu thuẫn vì nợ nần.

Hiện nay, ông L1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L vì nếu ly hôn thì bà L sẽ yêu cầu giải quyết tài sản để trả nợ sẽ ảnh hưởng đến đời sống của gia đình, con cái của ông L1.

- Về con chung: Nếu giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật thì ông L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hương L2, sinh ngày 29/3/2009, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.Cháu Lê Đình L3 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Đình L1 và bà Lê Thị Hương L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí thì bà L chịu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Lê Đình L1; về con chung cháu Lê Thị Hương L2, sinh ngày 29/3/2009 có nguyện vọng sống cùng ông L1 sau khi ly hôn thì bà L tôn trọng nguyện vọng của con chung, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với con chung thì bà L đồng ý giao con chung cháu L2 cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng bà L không cấp dưỡng nuôi con.Cháu Lê Đình L3 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Đình L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày về việc không đồng ý ly hôn với bà L, đến khi nào bà L đồng ý giải quyết xong tài sản chung thì ông L1 sẽ đồng ý ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con thì ông L1 không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Lê Đình L1. Bị đơn ông Lê Đình L1 có hộ khẩu thường trú tại phường P, hiện tạm trú tại phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Thị L và ông Lê Đình L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, kết hôn vào năm 20200218, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/8/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1 vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc. Ông L1 quá trình giải quyết vụ án cũng xác định giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài và hiện nay không thể hàn gắn, đoàn tụ. Ông L1 xác định lý do không đồng ý ly hôn là vì cho rằng khi giải quyết ly hôn thì bà L sẽ yêu cầu chia tài sản để trả nợ, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, con cái. Nhận thấy, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân hạnh phúc của bà L và ông L1 đã không đạt được. Nguyên đơn bà L và ông L1 thừa nhận vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc từ nhiều năm nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành phân tích, vận động vợ chồng nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả.Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà L với ông L1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Đình L1 có con chung là cháu Lê Đình L3, sinh ngày 08/7/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê Thị Hương L2, sinh ngày 29/3/2009 có nguyện vọng được ở cùng ông Lê Đình L1. Xét thấy, ông L1 có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2, Tại phiên tòa bà L đồng ý giao con chung cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử

ghi nhận giao cháu Lê Thị Hương L2 cho ông Lê Đình L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do ông L1 không yêu cầu bà Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm con con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Lê Thị Hương L2, khi bà L hoặc ông L1 có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L và ông Lê Đình L1 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn đối với ông Lê Đình L1.

- Về con chung: Ông Lê Đình L1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Hương L2, sinh ngày 29/3/2009.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Bà Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/00012613 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương